

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời  
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**  
**Kinh doanh/Doanh nghiệp số**

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 29 tháng 05 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Thòn  
Ông Trần Tiến Dũng

Chủ tịch  
Thành viên  
(đến ngày 25/06/2020)

Ông Phạm Thanh Thọ  
Bà Thủy Vũ Dropsey  
Ông Trần Thanh Hải  
Ông Nguyễn Tiến Tùng

Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(đến ngày 23/05/2020)

Ông Mark Peacock

Thành viên  
(đến ngày 26/03/2020)

Bà Nguyễn Thị Âm

Thành viên  
(từ ngày 23/05/2020)

Ông Philipp Roesler

Thành viên  
(từ ngày 23/05/2020)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Thòn

Tổng Giám đốc  
(đến ngày 23/05/2020)

Ông Nguyễn Duy Thuận

Tổng Giám đốc  
(từ ngày 24/05/2020)

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Khánh Dư  
Ông Nguyễn Tiến Phát  
Ông Trần Phú Ngọc

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 23 Đường Hà Hoàng Hổ  
Phường Mỹ Xuyên  
Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>4.178.607.188.719</b>	<b>4.910.143.083.908</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>409.322.614.831</b>	<b>126.712.357.050</b>
Tiền	111		243.055.054.519	83.212.357.050
Các khoản tương đương tiền	112		166.267.560.312	43.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.500.000.000</b>	<b>10.649.121.082</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13(a)	11.500.000.000	10.649.121.082
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>796.263.095.461</b>	<b>2.117.578.491.501</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	841.667.254.884	2.111.841.389.226
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.408.487.333	17.809.331.033
Phải thu về cho vay	135	6	15.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	168.037.653.059	230.699.805.028
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(253.850.299.815)	(257.772.033.786)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.803.042.252.441</b>	<b>2.491.657.293.693</b>
Hàng tồn kho	141		2.813.437.334.458	2.510.580.557.610
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.395.082.017)	(18.923.263.917)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>158.479.225.986</b>	<b>163.545.820.582</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	8.529.841.574	6.013.901.700
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		148.275.018.285	156.045.557.278
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.674.366.127	1.486.361.604
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.570.428.799.162</b>	<b>1.615.581.142.277</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.280.719.224.815</b>	<b>1.336.095.500.010</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.013.887.674.075	1.064.650.128.039
<i>Nguyên giá</i>	222		1.942.602.873.238	1.933.430.746.397
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(928.715.199.163)	(868.780.618.358)
Tài sản cố định vô hình	227	11	266.831.550.740	271.445.371.971
<i>Nguyên giá</i>	228		289.544.256.239	287.166.591.239
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(22.712.705.499)	(15.721.219.268)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>93.916.923.127</b>	<b>70.967.242.364</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	93.916.923.127	70.967.242.364

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>45.729.138.485</b>	<b>45.272.134.620</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	13(c)	40.549.138.485	39.092.134.620
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		180.000.000	180.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	13(b)	5.000.000.000	6.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>150.063.512.735</b>	<b>163.246.265.283</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	132.902.535.068	145.859.268.487
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17.006.291.999	17.201.373.994
Lợi thế thương mại	269	15	154.685.668	185.622.802
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>5.749.035.987.881</b>	<b>6.525.724.226.185</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.162.700.030.088</b>	<b>3.899.481.367.849</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.141.318.494.088</b>	<b>3.873.276.528.099</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	661.072.255.441	1.519.390.744.580
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.143.249.270	40.310.539.064
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	25.174.684.155	138.605.059.037
Phải trả người lao động	314		40.727.335.586	22.886.356.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	105.565.844.899	59.051.680.946
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		375.545.455	938.863.637
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	124.573.447.264	55.055.974.468
Vay ngắn hạn	320	20	2.082.055.733.270	1.969.954.583.531
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	80.630.398.748	67.082.726.336
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.381.536.000</b>	<b>26.204.839.750</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.243.000.000	1.380.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		20.138.536.000	24.824.839.750

9201  
 CÔNG TY  
 P  
 ĐOÀN  
 LỘC  
 TRỜI  
 N.T.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.586.335.957.793</b>	<b>2.626.242.858.336</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>2.586.335.957.793</b>	<b>2.626.242.858.336</b>
Vốn cổ phần	411	23	805.933.400.000	805.933.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.021.995.974	775.730.258
Quỹ đầu tư phát triển	418		724.303.177.300	739.618.129.883
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		78.310.729.787	78.352.070.802
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		668.190.497.171	694.027.490.988
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		694.027.490.988	564.174.970.280
- Chi trả cổ tức	421a		(80.593.340.000)	(128.949.344.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		(58.729.212.533)	(72.589.164.195)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		113.485.558.716	331.391.028.903
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.503.157.561	29.463.036.405
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>5.749.035.987.881</b>	<b>6.525.724.226.185</b>

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đặng Phương Chi

Nguyễn Tấn Hoàng

Nguyễn Duy Thuận

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020	30/06/2019	30/6/2020	30/06/2019
		VND	VND	VND	VND
		Đã phân loại lại			
01	24	1.501.548.663.924	2.954.960.173.301	2.252.748.206.165	4.600.407.589.985
02	24	34.622.598.773	144.598.368.142	53.079.921.695	221.502.580.117
10	24	1.466.926.065.151	2.810.361.805.159	2.199.668.284.470	4.378.905.009.868
11	25	1.068.115.907.341	2.181.689.548.320	1.623.082.580.630	3.407.693.086.295
20	26	398.810.157.810	628.672.256.839	576.585.703.840	971.211.923.573
21	26	17.932.741.384	6.498.843.657	22.046.986.618	9.195.546.441
22	27	51.779.453.200	72.224.429.529	109.149.607.559	131.304.339.423
23	27	20.852.758.819	50.706.159.193	46.907.717.709	95.721.895.254
24	24	1.412.772.567	1.240.900.645	1.457.003.697	1.320.627.376
25	28	151.700.209.758	223.345.724.323	249.990.073.163	379.882.533.363
26	29	63.529.267.183	100.853.399.296	130.343.183.496	167.521.696.608
30	30	151.146.741.620	239.988.447.993	110.606.829.937	303.019.527.996
31	30	12.601.745.237	8.718.577.396	21.048.220.830	23.227.941.033
32	31	3.547.495.714	538.136.975	7.717.617.608	602.682.481
40	40	9.054.249.523	8.180.440.421	13.330.603.222	22.625.258.552
50	50	160.200.991.143	248.168.888.414	123.937.433.159	325.644.786.548
51	32	7.296.307.725	51.364.528.216	7.993.031.613	70.576.131.923
52	52	195.081.996	4.754.597.341	195.081.996	4.754.597.341
60	60	152.709.601.422	192.049.762.857	115.749.319.550	250.314.057.284

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Phân bổ:	Mã Thuyết số minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/06/2019 VND	30/06/2020 VND	30/6/2019 VND
Chủ sở hữu của Công ty	61	152.042.375.939	191.051.488.952	113.485.558.716	247.475.735.345
Cổ đông không kiểm soát	62	667.225.483	998.273.905	2.263.760.834	2.838.321.939
<b>Lãi/lỗ trên cổ phiếu</b>					
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	1.604	2.015	1.197	2.610

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Người lập

  
 Đặng Phương Chi

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Tấn Hoàng

Tổng Giám đốc

  
 Nguyễn Duy Thuận

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		123.937.433.159	325.644.786.548
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		84.196.701.871	73.860.563.620
Các khoản dự phòng	03		(12.449.915.871)	21.504.416.437
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.755.409.961	(317.953.304)
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.574.232.159)	(7.593.030.727)
Chi phí lãi vay	06		46.907.717.709	95.721.895.254
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>244.773.114.670</b>	<b>508.820.677.828</b>
Biến động các khoản phải thu	09		1.331.731.495.572	12.659.542.988
Biến động hàng tồn kho	10		(302.856.776.848)	495.330.712.787
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(797.148.090.280)	(553.781.605.741)
Biến động chi phí trả trước	12		10.440.793.545	(10.351.606.236)
			<b>486.940.536.659</b>	<b>452.677.721.626</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(49.869.215.472)	(95.457.365.316)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(120.054.514.724)	(122.922.389.184)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(60.537.833.887)	(22.075.561.403)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>256.478.972.576</b>	<b>212.222.405.723</b>



**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.587.172.803)	(44.752.795.665)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.128.204.545	10.177.072.642
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		149.121.082	(21.926.621.082)
Tiền thu/(chi) cho tiền gửi ngân hàng có thời hạn, thuần	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	25			
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.052.351.105	859.575.281
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(48.257.496.071)</b>	<b>(55.642.768.824)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.261.510.289.816	3.092.356.615.301
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.155.124.140.077)	(3.123.374.885.671)
Tiền chi trả cổ tức	36		(31.150.642.000)	(32.631.217.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>75.235.507.739</b>	<b>(63.649.487.620)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>283.456.984.244</b>	<b>92.930.149.279</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>126.712.357.050</b>	<b>151.166.046.586</b>
<b>Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá</b>	<b>61</b>		<b>(846.726.463)</b>	<b>(366.626.777)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>409.322.614.831</b>	<b>243.729.569.088</b>

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Người lập



Đặng Phương Chi

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Hoàng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Thuận

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bia; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm và bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 15 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2020: 14 công ty con và 2 công ty liên kết).

Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/quyền biểu quyết	
		30/6/2020	1/1/2020
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Lộc Trời - Cambodia	Kinh doanh thuốc trừ sâu	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*)	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền	Sản xuất và kinh doanh phân bón	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	Sản xuất và bán buôn cà phê	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	76,51%	76,51%
Công ty TNHH Trích ly dầu cáo Vĩnh Hòa (*)	Trích ly dầu cáo	60%	60%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	Kinh doanh thuốc trừ sâu. phân bón và gạo	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	50,44%	50,44%
Công ty Cổ phần Lộc Trời – Viên Thị	Nghiên cứu và sản xuất giống	51%	51%
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Lộc Trời	Dịch vụ trồng trọt	100%	-
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	Kinh doanh thuốc trừ sâu	29,91%	29,91%
Công ty TNHH Thương Mại Quốc tế Viên Thị Lộc Trời Quảng Đông	Kinh doanh thuốc trừ sâu. phân bón và gạo	49%	49%

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này.

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (e) Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

016  
 NC  
 CE  
 PĐ  
 CT  
 YÊN

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **(b) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(c) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	: chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(d) Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(e) Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê: các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê: thu nhập từ tiền thuê cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**(f) Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

**(g) Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích hao mòn theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được trích hao mòn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**(i) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**(j) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**(k) Các khoản đầu tư**

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hay lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng các khoản đầu tư

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lọc Trôi và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(l) Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**(m) Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**(n) Các khoản dự phòng**

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập dựa trên đặc điểm của từng công trình và kinh nghiệm thực tế.

**(o) Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

110  
NG  
CP  
Đ  
T  
/EN

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**(q) Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

- ▶ **Quỹ đầu tư phát triển**  
Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- ▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**  
Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- ▶ **Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**  
Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

**(r) Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

**Tiền cho thuê**

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

**(s) Thuế**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng. Khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	243.055.054.519	83.212.357.050
Các khoản tương đương tiền	166.267.560.312	43.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	409.322.614.831	126.712.357.050

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Salasar Impex Ltd	6.497.406.962	
Công ty TNHH TM DV Thanh Yên	10.066.871.760	10.530.260.582
Nguyễn Thị Kim Phượng	2.952.307.077	9.327.211.225
Các khách hàng khác	822.150.669.085	2.091.983.917.419
	<hr/>	<hr/>
	841.667.254.884	2.111.841.389.226

**6. Phải thu về cho vay**

	<b>30/06/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Lion Agrevo – một công ty liên kết	15.000.000.000	15.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	15.000.000.000	15.000.000.000

Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm là 6.5%/năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho người lao động	53.040.979.093	51.289.147.630
Phải thu từ chiết khấu mua hàng được hưởng	34.220.258.155	113.738.213.693
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	1.498.530.000	4.331.561.172
Phải thu khác	66.129.156.030	48.192.152.752
	<hr/>	<hr/>
	168.037.653.059	230.699.805.028

19  
NG  
CP  
ĐC  
T  
EN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2020			1/1/2020				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	9.587.763.755	(9.587.763.755)	-	Trên 3 năm	9.587.763.755	(9.587.763.755)	-
Nguyễn Minh Hùng	Trên 3 năm	9.431.443.002	(9.431.443.002)	-	Trên 3 năm	9.431.443.002	(9.431.443.002)	-
Đình Thị Phương	Trên 3 năm	9.318.582.005	(9.318.582.005)	-	Trên 3 năm	9.318.582.005	(9.318.582.005)	-
Cty TNHH Thiên Thủy								
Dương	Trên 3 năm	6.748.542.350	(6.748.542.350)	150.000.000	Trên 3 năm	6.748.542.350	(6.748.542.350)	-
Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.125.487.847)		Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	6.640.573.077	(6.640.573.077)	-	Trên 3 năm	6.650.573.077	(6.650.573.077)	-
Trần Quốc Hưng	Trên 1 năm	5.469.097.810	(5.469.097.810)	-	Trên 1 năm	5.469.097.810	(5.469.097.810)	-
Nguyễn Văn Thao	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000
Cty TNHH Tân Sáng	Trên 3 năm	2.900.000.000	-	2.900.000.000	Trên 3 năm	3.400.000.000	-	3.400.000.000
Nguyễn Văn Trung	Trên 3 năm	4.565.176.319	(4.565.176.319)	-	Trên 3 năm	4.565.176.319	(4.565.176.319)	-
Các đối tượng khác		284.275.068.839	(189.765.324.445)	94.509.744.394		265.599.880.042	(193.527.058.416)	72.072.821.626
		351.830.044.209	(253.850.299.815)	97.979.744.394		333.664.855.412	(257.772.033.786)	75.892.821.626

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	257.772.033.786	215.267.325.007
Trích lập dự phòng trong kỳ	22.053.462.037	35.152.293.777
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(25.975.196.008)	(14.281.177.559)
Số dư cuối kỳ	253.850.299.815	236.138.441.225

**9. Hàng tồn kho**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	70.313.587.160		116.603.025.000	
Nguyên vật liệu	716.123.616.228		410.017.470.816	
Công cụ, dụng cụ	1.798.968.795		3.174.954.769	
Sản phẩm dở dang	31.314.895.573		21.856.596.623	
Thành phẩm	565.382.754.921	(10.395.082.017)	568.150.201.419	(18.923.263.917)
Hàng hóa	1.423.650.742.962		1.381.886.788.452	
Hàng gửi đi bán	4.852.768.819		8.891.520.531	
	2.813.437.334.458	(10.395.082.017)	2.510.580.557.610	(18.923.263.917)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	18.923.263.917	1.753.632.118
Trích lập dự phòng trong kỳ	10.389.177.718	4.996.027.837
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(18.917.359.618)	(1.750.018.118)
Số dư cuối kỳ	10.395.082.017	4.999.641.837

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	792.316.442.882	802.951.702.697	298.828.672.978	39.333.927.840	1.933.430.746.397
Tăng do mua mới	1.778.164.230	6.467.807.669	1.883.233.612	1.965.009.699	12.094.215.210
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.801.862.020	9.392.814.921	2.936.779.573	249.480.006	16.380.936.520
Thanh lý	-	(1.411.521.981)	(17.891.502.908)	-	(19.303.024.889)
Số dư cuối kỳ	797.896.469.132	817.400.803.306	285.757.183.255	41.548.417.545	1.942.602.873.238
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	245.076.356.940	390.522.434.323	212.803.469.014	20.378.358.081	868.780.618.358
Khấu hao trong kỳ	22.626.736.405	39.923.715.899	10.278.117.155	4.345.709.047	77.174.278.506
Thanh lý	-	(945.683.358)	(16.294.014.343)	-	(17.239.697.701)
Số dư cuối kỳ	267.703.093.345	429.500.466.864	206.787.571.826	24.724.067.128	928.715.199.163
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	547.240.085.942	412.429.268.374	86.025.203.964	18.955.569.759	1.064.650.128.039
Số dư cuối kỳ	530.193.375.787	387.900.336.442	78.969.611.429	16.824.350.417	1.013.887.674.075

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	272.470.980.253	14.695.610.986	287.166.591.239
Tăng do mua mới	-	1.657.665.000	1.657.665.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	720.000.000	720.000.000
Số dư cuối kỳ	272.470.980.253	17.073.275.986	289.544.256.239
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	7.287.593.012	8.433.626.256	15.721.219.268
Khấu hao trong kỳ	5.570.481.040	1.421.005.191	6.991.486.231
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.858.074.052	9.854.631.447	22.712.705.499
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	265.183.387.241	6.261.984.730	271.445.371.971
Số dư cuối kỳ	259.612.906.201	7.218.644.539	266.831.550.740

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	70.967.242.364	98.069.262.745
Tăng trong kỳ	40.835.292.593	20.608.345.228
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.380.936.520)	(6.167.007.500)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(720.000.000)	(882.727.273)
Chuyển sang chi phí trả trước	(784.675.310)	(5.702.406.119)
Thanh lý		(33.225.000)
Số dư cuối kỳ	93.916.923.127	105.892.242.081

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhà máy thuốc Châu Thành	284.585.155	125.484.726
Dự án ERP	26.738.066.142	
Nâng cấp các Trại sản xuất hạt giống	2.667.042.882	3.342.690.986
Nhà máy chế biến gạo	57.827.939.172	49.960.275.531
Các dự án khác	6.399.289.776	17.538.791.121
	93.916.923.127	70.967.242.364

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang có kỳ hạn gốc từ 13 đến 15 tháng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN An Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tiền gửi hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 9,0%.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang có kỳ hạn gốc từ 13 đến 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN An Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,1% đến 9,3%.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

	Công ty Cổ phần Lion Agrevo	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Viên Thị Lộc Trời (Quảng Đông)	Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>32.983.650.000</b>	<b>3.425.835.000</b>	<b>36.409.485.000</b>
<b>Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	5.648.586.325	(2.965.936.705)	2.682.649.620
Phần lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	1.518.115.429	(61.111.564)	1.457.003.865
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	38.632.236.325	459.898.295	39.092.134.620
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	40.150.351.754	398.786.731	40.549.138.485

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí thuê hoạt động	2.954.649.367	1.905.209.019
Công cụ, dụng cụ	658.047.015	1.491.077.885
Phí bảo hiểm trả trước	2.840.594.575	47.017.350
Khác	2.076.550.617	2.570.597.446
	8.529.841.574	6.013.901.700



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ	12.191.358.238	22.535.584.641
Chi phí sửa chữa, bảo trì	18.015.630.850	20.541.898.872
Chi phí bao bì	5.421.191.697	5.111.169.206
Chi phí đất	89.769.901.830	90.917.500.561
Khác	7.504.452.453	6.753.115.207
	132.902.535.068	145.859.268.487

**15. Lợi thế thương mại**

<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm/cuối năm	618.742.671
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	433.119.869
Khấu hao trong năm	30.937.134
Số dư cuối năm	464.057.003
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	185.622.802
Số dư cuối năm	154.685.668

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2020</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	414.548.472.963	1.132.199.541.842
Eastchem Co. Ltd	43.402.301.329	51.249.607.150
Du Pont Company (Singapore) Pte Limited	53.399.346.000	145.358.385.200
Các nhà cung cấp khác	149.722.135.149	190.583.210.388
	661.072.255.441	1.519.390.744.580

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số tăng trong kỳ VND	Số giảm trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	646.829.996	3.203.178.282	(883.157.086)	2.966.851.192
Thuế thu nhập doanh nghiệp	123.361.950.373	7.993.031.613	(120.054.537.929)	11.300.444.057
Thuế thu nhập cá nhân	8.097.568.783	8.785.787.544	(8.241.436.156)	8.641.920.171
Các loại thuế khác	6.498.709.885	2.185.157.963	(6.418.399.113)	2.265.468.735
	138.605.059.037	22.167.155.402	(135.597.530.284)	25.174.684.155

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí khuyến mãi bán hàng	85.255.262.173	34.730.279.318
Chi phí lãi vay	5.296.112.838	8.257.610.601
Hoa hồng môi giới	1.199.566.100	1.398.175.000
Phân Phối nhượng quyền thương mại	870.091.584	2.589.334.991
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	12.944.812.204	12.076.281.036
	105.565.844.899	59.051.680.946

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức	83.039.633.150	32.127.365.450
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.798.440.694	4.426.072.273
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp, KPCĐ	10.284.027.520	1.395.017.309
Phải trả ngắn hạn khác	28.451.345.900	17.107.519.436
	124.573.447.264	55.055.974.468

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản vay ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong kỳ		30/6/2020
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.819.954.583.531	2.261.510.289.816	(2.085.124.140.077)	2.002.055.733.270
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng	150.000.000.000	-	(70.000.000.000)	80.000.000.000
	1.969.954.583.531	2.261.510.289.816	(2.155.124.140.077)	2.082.055.733.270

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn còn số dư như sau:

Thuyết minh	Loại tiền	30/6/2020	1/1/2020
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	20.406.517.500	53.943.676.223
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	154.323.678.174	115.082.423.455
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	244.880.014.192	248.353.453.931
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	301.799.449.072	227.638.806.538
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	VND	580.125.000.000	370.720.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	489.379.069.934	572.172.041.049
Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	46.205.390.325
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	VND	98.293.383.200	73.716.810.127
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - CN TP.HCM	VND	109.529.124.130	107.019.999.804
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	VND	2.295.841.069	4.981.982.079
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	VND	903.655.999	-
Quỹ Công đoàn	VND	120.000.000	120.000.000
		<b>2.002.055.733.270</b>	<b>1.819.954.583.531</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,5% đến 6,0%.
- (ii) Khoản vay này, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,2% đến 5,7%.
- (iii) Khoản vay này, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 4,7% đến 5,5%.
- (iv) Khoản vay này, có hạn mức là 400 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,5% đến 6,0%.
- (v) Khoản vay này, có hạn mức là 40 triệu USD, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 1,7% đến 2,3%.
- (vi) Khoản vay này, có hạn mức là 900 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,6%.
- (vii) Khoản vay này, có hạn mức là 5 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, khoản vay này đã được tất toán.
- (viii) Khoản vay này, có hạn mức là 100 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,6%.
- (ix) Khoản vay này, có hạn mức là 5 triệu USD, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,2% đến 5,75%.
- (x) Khoản vay này, có hạn mức là 25 tỷ VND, được đảm bảo bằng các tài sản tại Công ty CP Địa Ốc An Giang và chịu lãi suất năm là 7,0%.



**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	67.082.726.336	46.601.445.097
Trích quỹ trong kỳ	48.796.480.000	60.265.930.747
Sử dụng quỹ trong kỳ	(35.248.807.588)	(9.607.936.913)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>80.630.398.748</b>	<b>97.259.438.931</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	805.933.400.000	278.073.000.000	900.453.276	760.013.521.054	80.032.557.377	564.174.970.825	25.938.257.939	2.515.066.160.471
Góp vốn vào công ty con								
Lợi nhuận thuần trong kỳ						-	(1.958.775.000)	(1.958.775.000)
Có tức đã công bố				247.475.735.345		247.475.735.345	2.838.321.939	250.314.057.284
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(128.949.344.000)		(128.949.344.000)		(128.949.344.000)
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu				(60.134.135.808)		(60.134.135.808)	(131.794.939)	(60.265.930.747)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài			(168.063.544)					(168.063.544)
Sử dụng các quỹ					12.000.000.000	(12.000.000.000)		
Hoàn nhập					(12.467.624.490)			(12.467.624.490)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019</b>	<b>805.933.400.000</b>	<b>278.073.000.000</b>	<b>732.389.732</b>	<b>760.013.521.054</b>	<b>79.564.932.887</b>	<b>610.567.226.362</b>	<b>26.686.009.939</b>	<b>2.561.570.479.974</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	<b>805.933.400.000</b>	<b>278.073.000.000</b>	<b>775.730.258</b>	<b>739.618.129.883</b>	<b>78.352.070.802</b>	<b>694.027.490.988</b>	<b>29.463.036.405</b>	<b>2.626.242.858.336</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ						113.485.558.716	2.263.760.834	115.749.319.550
Phân bổ vào quỹ				669.576.056		(10.327.467.000)	657.890.944	
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					9.000.000.000	(48.401.745.533)	(394.734.467)	(48.796.480.000)
Có tức						(80.593.340.000)	(1.486.796.155)	(82.080.136.155)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài			246.265.716					246.265.716
Sử dụng các quỹ				(20.000.000.000)				(20.000.000.000)
Hoàn nhập các quỹ					(5.025.869.654)			(5.025.869.654)
Phân loại lại				4.015.471.361	(4.015.471.361)			
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>805.933.400.000</b>	<b>278.073.000.000</b>	<b>1.021.995.974</b>	<b>724.303.177.300</b>	<b>78.310.729.787</b>	<b>668.190.497.171</b>	<b>30.503.157.561</b>	<b>2.586.335.957.793</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.593.340	805.933.400.000	80.593.340	805.933.400.000
Vốn cổ phần phổ thông đã phát hành	80.593.340	805.933.400.000	80.593.340	805.933.400.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.593.340	805.933.400.000	80.593.340	805.933.400.000

  

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	19.465.920	194.659.200.000	19.465.920	194.659.200.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	61.127.420	611.274.200.000	61.127.420	611.274.200.000
	80.593.340	805.933.400.000	80.593.340	805.933.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	1.346.663.279.187	2.927.439.868.509
▪ Lương thực – Gạo	436.078.650.426	1.096.678.428.779
▪ Hạt giống cây trồng	328.997.486.846	429.789.391.977
▪ Bao bì	67.552.525.787	80.526.135.823
▪ Xây dựng	55.672.871.548	57.290.272.282
▪ Khác	17.783.392.371	8.683.492.615
	2.252.748.206.165	4.600.407.589.985
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(44.951.583.794)	(214.507.587.162)
▪ Hàng bán bị trả lại	(8.118.748.101)	(6.994.992.955)
▪ Giảm giá hàng bán	(9.589.800)	-
	(53.079.921.695)	(221.502.580.117)
Doanh thu thuần	2.199.668.284.470	4.378.905.009.868

**25. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	856.894.663.892	1.912.980.787.853
▪ Lương thực – Gạo	425.486.648.549	1.069.478.897.636
▪ Hạt giống cây trồng	234.654.634.982	303.745.032.569
▪ Bao bì	58.042.068.639	66.630.334.179
▪ Xây dựng	44.994.556.349	48.240.399.676
▪ Khác	11.538.190.119	3.371.624.663
▪ Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(8.528.181.900)	3.246.009.719
	1.623.082.580.630	3.407.693.086.295



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
		<b>Đã phân loại lại</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	4.608.675.898	1.855.483.130
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.406.592.649	7.288.613.479
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.718.071	51.449.832
	<u>22.046.986.618</u>	<u>9.195.546.441</u>

**27. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	46.907.717.709	95.721.895.254
Chiết khấu thanh toán	42.313.840.407	27.475.058.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.612.994.736	7.793.853.307
Chi phí tài chính khác	315.054.707	313.532.342
	<u>109.149.607.559</u>	<u>131.304.339.423</u>

**28. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	109.122.397.950	158.923.755.420
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	72.619.351.713	100.065.005.346
Chi phí giao tế, tiếp khách, hội nghị	14.278.990.341	23.672.758.412
Chi phí vận chuyển	8.659.323.035	16.299.325.406
Chi phí vật liệu bao bì, dụng cụ đồ dùng	3.766.306.482	7.309.756.529
Chi phí xuất khẩu	8.505.607.142	21.934.582.628
Công tác phí	10.624.949.176	20.847.303.196
Chi phí khấu hao	5.985.793.817	6.570.765.814
Chi phí khác	16.427.353.507	24.259.280.612
	<u>249.990.073.163</u>	<u>379.882.533.363</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	80.888.636.153	84.221.272.045
Dự phòng/(Hoàn nhập) phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.244.546.822)	20.871.116.218
Chi phí giao tế, tiếp khách, hội nghị	8.961.248.273	11.739.554.642
Chi phí khấu hao	13.426.674.766	13.707.796.028
Công tác phí	3.281.863.462	5.310.949.964
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	872.431.263	2.129.756.793
Chi phí khác	26.156.876.401	29.541.250.918
	130.343.183.496	167.521.696.608

**30. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
		<b>Đã phân loại lại</b>
Hỗ trợ nhận từ các đối tác	2.371.420.385	10.158.936.368
Lãi từ thanh lý tài sản	2.765.821.101	4.520.774.636
Thu phạt do vi phạm hợp đồng	12.657.581.907	2.251.545.877
Thu nhập khác	3.253.397.437	6.296.684.152
	21.048.220.830	23.227.941.033

**31. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Khấu hao tài sản chưa sử dụng	6.730.584.442	
Chi phí khác	987.033.166	602.682.481
	7.717.617.608	602.682.481



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	7.993.031.613	70.576.131.923
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	195.081.996	4.754.597.341
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.188.113.609</b>	<b>75.330.729.264</b>

### (b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Người lập

Đặng Phương Chi

Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Hoàng

Tổng Giám đốc

  

Nguyễn Duy Thuận



Số: **229** /CV-TĐLT

V/v: giải trình biến động lợi nhuận của Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

An Giang, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2020 Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời (LTG) xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế so với quý 2 năm 2019 như sau:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)*100
<b>Báo cáo tài chính (hợp nhất)</b>				
Doanh thu thuần	1.466.926.065.151	2.810.361.805.159	(1.343.435.740.008)	(47,80)%
Lợi nhuận sau thuế	152.709.601.422	192.049.762.857	(39.340.161.435)	(20,48)%
<b>Báo cáo tài chính (riêng)</b>				
Doanh thu thuần	1.406.773.028.911	2.513.807.378.586	(1.107.034.349.675)	(44,04)%
Lợi nhuận sau thuế	120.036.538.626	197.497.655.424	(77.461.116.798)	(39,22)%

Do ảnh hưởng bởi khó khăn chung của thị trường khiến doanh thu sụt giảm nên lợi nhuận sau thuế của Công ty trong quý 2/2020 có sự biến động cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất: mặc dù doanh thu có mức giảm 47,8% so với cùng kỳ nhưng do có sự tiết giảm chi phí nên lợi nhuận sau thuế của quý 2 chỉ giảm ở mức 20,48% tương ứng với mức giảm 39.340.161.435 đồng so với cùng kỳ.
- Báo cáo tài chính riêng: lợi nhuận sau thuế giảm 77.461.116.798 đồng tương ứng với mức giảm 39,22% chủ yếu do doanh thu thuần giảm 44,04% với cùng kỳ.

Trên đây là giải trình của LTG, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu KVP.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Duy Thuận**